

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 7 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Cải thiện Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, giai đoạn 2024-2026

Căn cứ Quyết định 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Bắc Ninh năm 2024;

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả và đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, gắn với nâng cao chất lượng quản trị môi trường, cải thiện điểm số và thứ hạng Chỉ số PCI, PGI trong năm 2024 và các năm tiếp theo, phấn đấu nằm trong nhóm những tỉnh/thành phố có điểm xếp hạng tốt;

Xét đề nghị của Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh tại văn bản số 210/VNC-VP ngày 28/6/2024, UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch Cải thiện Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, giai đoạn 2024-2026 với những nội dung sau:

## I. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

- Quán triệt phương châm hành động xuyên suốt “**Bản lĩnh đột phá, củng cố niềm tin, nâng tầm cao mới**”; phấn đấu nâng cao hơn nữa về điểm số và duy trì, cải thiện thứ hạng Chỉ số PCI, PGI Bắc Ninh cả giai đoạn trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước; cập nhật những nội dung, tiêu chí đánh giá mới của các Chỉ số năm 2024; cụ thể hóa những mục tiêu phát triển, động lực phát triển mới gắn với mô hình quản trị có tính bao trùm, nâng cao tính năng động và tiên phong, chuyển đổi kinh tế Bắc Ninh theo hướng khôi phục nhanh sản xuất, tốc độ tăng trưởng gắn với nâng cao chất lượng điều hành, quản trị địa phương.

- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo thông thoáng, cởi mở, minh bạch, hấp dẫn, đột phá; tăng cường hỗ trợ đầu tư xanh, xanh hóa sản xuất

và tiêu dùng, phát triển doanh nghiệp xanh, nhằm tạo ra sự khác biệt trong cải thiện môi trường kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

- Nâng cao chất lượng quản lý điều hành, quản trị môi trường và tăng trưởng xanh trong hành động của các cơ quan Nhà nước các cấp và doanh nghiệp thông qua việc liên tục cải thiện các chỉ tiêu, chỉ số thành phần cấu thành PCI, PGI của tỉnh giai đoạn 2024-2026. Trong đó, tập trung cải thiện những chỉ số thành phần có điểm số, xếp hạng thấp và các chỉ tiêu có điểm số thấp so với điểm trung vị.

## **2. Mục tiêu của Chỉ số PCI, giai đoạn 2024-2026**

Phấn đấu cải thiện điểm số của từng chỉ số thành phần, nâng vị trí xếp hạng PCI của tỉnh giai đoạn 2024-2026 như sau:

- Phấn đấu Chỉ số Gia nhập thị trường đạt trên 8,0 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Tiếp cận đất đai đạt điểm trong khoảng 7,5 đến 7,9 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Tính minh bạch đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Chi phí thời gian đạt điểm trong khoảng 8,0 đến 8,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Chi phí không chính thức đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Tính năng động đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Đào tạo lao động đạt điểm trong khoảng 7,0 đến 7,5 điểm;
- Phấn đấu Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự đạt điểm trong khoảng 8,0 đến 8,5 điểm.

*(Mục tiêu chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

## **3. Mục tiêu của Chỉ số PGI, giai đoạn 2024-2026**

Phấn đấu cải thiện điểm số, duy trì vị trí xếp hạng PGI của tỉnh giai đoạn 2024-2026 thuộc top 20 tỉnh/thành phố, cụ thể mục tiêu của các Chỉ số thành phần như sau:

- Chỉ số Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai đạt thứ hạng trong nhóm 15 tỉnh/thành phố và có điểm số đạt trên 7,50 điểm (tăng tối thiểu 0,21 điểm so với năm 2023);
- Chỉ số Đảm bảo tuân thủ tối thiểu đạt thứ hạng trong nhóm 20 tỉnh/thành phố và có điểm số đạt trên 6,50 điểm (tăng tối thiểu 0,51 điểm so với năm 2023);
- Chỉ số Thúc đẩy thực hành xanh đạt thứ hạng trong nhóm 20 tỉnh/thành phố và có điểm số đạt trên 5,00 điểm (tăng tối thiểu 1,36 điểm so với năm 2023);

- Chỉ số Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ đạt thứ hạng trong nhóm 5 tỉnh/thành phố và có điểm số đạt trên 6,00 điểm (tăng tối thiểu 0,39 điểm so với năm 2023).

*(Mục tiêu chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

## **II. YÊU CẦU**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố nâng cao vai trò trách nhiệm, đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức về mục đích, ý nghĩa và nội dung của Kế hoạch; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó đề xuất giải pháp trọng tâm, đảm bảo hiệu quả, phù hợp với từng tiêu chí thành phần của các chỉ số và tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

2. Thống nhất trong thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao Chỉ số PCI, PGI đồng bộ với cải thiện các Chỉ số PAPI, ICT Index, DTI, PAR Index, PII, DDCI Bắc Ninh gắn với nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

3. Tập trung rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, các chi phí chính thức và không chính thức; Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp và các hoạt động đối thoại doanh nghiệp theo hướng thực chất trên cơ sở đồng thuận cao, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì theo dõi, chủ động nghiên cứu sâu các chỉ số, chỉ tiêu thành phần PCI, PGI, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện; chủ động học tập, nghiên cứu các tỉnh, thành phố có điểm số cao, cách làm hay đối với các chỉ số, chỉ tiêu thành phần để xây dựng kế hoạch hành động của ngành, lĩnh vực, địa phương mình đảm bảo tính hiệu quả, thực chất, phù hợp.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì theo dõi các Chỉ số thành phần trong tổ chức thực hiện và cùng chịu trách nhiệm chung về kết quả các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực được giao phụ trách.

## **III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp về công tác chỉ đạo điều hành**

- Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 29/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ và văn hóa công sở trong cơ quan của Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong đó: (1) Tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và kỷ luật lao động trong quản lý, điều hành hoạt động, giải quyết công việc và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; (2) Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc của Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo hướng chuyên nghiệp, trách nhiệm, minh bạch, hiệu quả; (3) Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử chuẩn

mục, vì nhân dân, doanh nghiệp phục vụ; (4) Kiên quyết, kiên trì ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện những nhiễu trong thực thi công vụ.

- Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 20/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động công vụ. Thường xuyên tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý, nhất là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến giải quyết công việc, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và việc thực hiện chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thống nhất cao chủ trương “lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để cải cách”. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) là nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên và trực tiếp chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ này. Tích cực đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác cải thiện môi trường kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, xanh hóa sản xuất, xanh hóa tiêu dùng, bổ sung các tiêu chí về thu hút đầu tư theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng suất lao động để thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế trên địa bàn tỉnh.

- Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ là cơ quan chủ trì chủ động kết nối với những địa phương dẫn đầu về các chỉ số thành phần PCI, PGI trong những năm qua nhằm học tập, trao đổi về những kinh nghiệm, cách làm hay trong cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đặc biệt là những giải pháp đảm bảo sự bền vững đối với các chỉ số do cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

- Áp dụng chuyển đổi số trong xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác đánh giá công chức theo kết quả thực thi công vụ. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên tinh thần lắng nghe, cầu thị, trách nhiệm, hết lòng phục vụ nhân dân đồng thời sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín với nhân dân. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã công khai lịch làm việc của lãnh đạo cơ quan hàng tháng, hàng tuần để cán bộ, công chức, nhân dân giám sát.

## **2. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính hiệu quả, thực chất**

- Các Sở, ban, ngành; Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày

29/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025 nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai, thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thuận lợi sản xuất, kinh doanh, tạo đột phá, tạo động lực và đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả trong cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư theo hướng tăng trưởng xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, tập trung vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tổ chức bộ máy, cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hiện đại hoá nền hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ công; cải cách TTHC nhằm rút ngắn về thời gian, giảm về kinh phí, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

- Quyết liệt cải cách TTHC theo hướng hiệu quả, thực chất. Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số, sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu đã số hóa.

- Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong việc giải quyết TTHC liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư; Các phòng ban chuyên môn thuộc các sở, ngành, địa phương phải xây dựng và thực hiện đúng quy trình giải quyết nội bộ của đơn vị, thống nhất cách hiểu các quy định pháp luật trong việc giải quyết TTHC đối với người dân và doanh nghiệp đặt biệt là các tình huống chưa thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện.

### **3. Đối thoại, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thiết thực, tạo thuận lợi nhất cho sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ pháp luật**

- Các sở, ngành, địa phương tiếp tục tăng cường đối thoại, gặp gỡ, tiếp xúc với doanh nghiệp, nhà đầu tư (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa) nhằm tạo ra sự thân thiết, gần gũi, thấu hiểu, chia sẻ, đồng thuận, giữa chính quyền và doanh nghiệp, đồng thời nắm bắt kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý để tham mưu UBND tỉnh, bộ, ngành trung ương giải quyết, tháo gỡ hiệu quả. Hằng năm, mỗi cơ quan, đơn vị tiếp tục tổ chức ít nhất 1-2 lần gặp gỡ, tiếp xúc các doanh nghiệp, nhà đầu tư; các kiến nghị được giải quyết và đề xuất giải quyết sẽ được công khai hàng tháng, quý trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị để theo dõi, kiểm soát.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, hình

thành chuỗi giá trị liên kết giữa các ngành, lĩnh vực. Trong đó, triển khai linh hoạt, hiệu quả các chính sách hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các nút thắt, điểm nghẽn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình sản xuất, kinh doanh như việc tiếp cận tín dụng, tìm kiếm khách hàng, chuỗi cung ứng hàng hoá... các TTHC liên quan đến đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy... để các doanh nghiệp sớm đưa dự án đi vào hoạt động.

- Phát huy hiệu quả các Tổ công tác được UBND tỉnh thành lập để tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư; Cam kết bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của doanh nghiệp, nhà đầu tư vào tỉnh, đảm bảo hài hoà lợi ích giữa nhà nước, nhà đầu tư và người lao động theo quy định.

Các Sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục phối hợp, thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua nhiều phương thức: App tiếp nhận; Tổ chuyên gia gỡ khó, trang web, hòm thư, hotline, cơ quan báo chí; các tổ chức hội doanh nghiệp, và đặc biệt là kênh tiếp nhận thông tin qua Bộ Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, địa phương (DDCI).

- Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện tối đa để cộng đồng doanh nghiệp tham gia phản biện các cơ chế, chính sách của nhà nước có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Triển khai đồng bộ các Luật mới được Quốc hội thông qua như: Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Nhà ở; Luật Đất đai, Luật Các tổ chức tín dụng,..

#### **4. Nâng cao tính minh bạch và đẩy mạnh chuyển đổi số**

- Các sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện công khai 100% thông tin, tài liệu được phép công khai với các nội dung về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật, các TTHC, chủ trương, định hướng thu hút đầu tư, các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp và các thông tin khác mà cơ quan nhà nước có trách nhiệm phải cung cấp theo quy định pháp luật tới các doanh nghiệp, nhà đầu tư khi họ có yêu cầu.

- Đẩy mạnh và phát huy hơn nữa hiệu quả Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần: Thường xuyên cập nhật thông tin, cung cấp đầy đủ các dữ liệu về quy hoạch, cơ chế chính sách cũng như hướng dẫn theo hướng ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu và có chỉ dẫn rõ ràng để thuận tiện tra cứu; Nâng cao hiệu quả chuyên mục trao đổi, hỏi đáp đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Cổng Thông tin điện tử thành phần để kịp thời tiếp nhận và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển nhanh, hiệu quả chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Bắc Ninh theo hướng tổng thể, toàn diện, có mô hình hoạt động được thiết kế, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để đưa hoạt động của các cấp chính quyền lên môi trường số, đảm bảo các yếu tố về an toàn thông tin; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số để thay đổi mô hình quản trị, kinh doanh

của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, tập trung giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Chuẩn hoá, điện tử hoá quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hoá kết quả giải quyết TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí. Nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền.

- Hằng năm tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về chuyển đổi số, đẩy mạnh phát triển ứng dụng, sử dụng các sản phẩm công nghệ số, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển doanh nghiệp.

### **5. Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung đô thị đến năm 2045**

- Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao kinh tế, đổi mới phương thức hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư theo hướng chuyên nghiệp theo chuẩn mực quốc tế, trong đó coi trọng nhiệm vụ hỗ trợ “trước, trong, sau đầu tư”; Đa dạng hóa các loại hình, nguồn vốn đầu tư theo hướng ưu tiên, mời gọi thu hút các ngành, lĩnh vực mới nổi, mang tính chiến lược, tạo bước ngoặt, dự địa phát triển cao, tăng trưởng bao trùm, như: Chíp, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh.

- Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích; ưu tiên nguồn lực để chuẩn hóa giáo dục theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế; Tiếp tục đẩy mạnh thu hút các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu triển khai (R&D) uy tín trong và ngoài nước đầu tư, mở cơ sở đào tạo tại Bắc Ninh để đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, hình thành hành lang sáng tạo, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất thuộc nhóm dẫn đầu của cả nước.

- Nghiên cứu, tăng cường ứng dụng, phát triển nhà máy thông minh, tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa cải tiến kỹ thuật, nâng cấp mô hình quản trị theo chương trình đã ký kết nhằm tăng liên kết sản xuất, hướng tới nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh; Tạo môi trường, điều kiện, cơ sở pháp lý thuận lợi để các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo hiệu quả nhất, chi phí thấp nhất, rủi ro ít nhất, truyền cảm hứng, tạo động lực, thúc đẩy xu thế, phong trào khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo.

- Tăng cường liên kết mạng lưới giữa nhà cung cấp nguyên liệu - nhà sản xuất - nhà phân phối - người tiêu dùng nhằm nâng cao năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, gắn kết các doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường từ khâu sản xuất đến khâu phân phối, tiêu dùng; góp phần hình thành mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hướng tới nền kinh tế cacbon thấp theo mô hình tăng trưởng xanh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

## **6. Giải pháp nâng cao Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI)**

### ***6.1. Xanh hóa sản xuất, thương mại, dịch vụ và tiêu dùng; thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp theo định hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn***

- Nâng cao năng lực cạnh tranh mang tính bao trùm và chiến lược so với các tỉnh xung quanh bằng tất cả các biện pháp: cắt giảm chi phí, đào tạo lao động, hạ tầng đồng bộ và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Triển khai Kế hoạch số 342/KH-UBND ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Hành động thực hiện chiến lược xanh tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050; các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan hoàn thành đúng tiến độ các Đề án, chính sách theo Phụ lục đã ban hành theo Kế hoạch này. Tăng cường nhận thức, sự quan tâm đầu tư của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH); đẩy mạnh ứng dụng mô hình KTTH thúc đẩy xanh hóa các ngành kinh tế; đối thoại, hợp tác công tư về phát triển KTTH, trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu, vướng mắc của doanh nghiệp, từ đó có biện pháp tháo gỡ, hỗ trợ phù hợp.

- Thu hút đầu tư theo định hướng tái cấu trúc kinh tế để đẩy nhanh quá trình phát triển theo mô hình kinh tế xanh; thu hút đầu tư tư nhân đầu tư vào lĩnh vực phát triển xanh, quan tâm xúc tiến dự án đầu tư có tính thích ứng với biến đổi khí hậu, kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy chuyển đổi xanh.

- Xây dựng và ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp xanh, nhất là đòn bẩy tài chính xanh, doanh nghiệp cam kết thực hiện những quy tắc về kinh tế xanh. Kiểm kê và đánh giá lượng khí thải các bon theo kế hoạch tăng trưởng xanh; tận dụng cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp khi thực hiện các cam kết tuân thủ những tiêu chuẩn xanh, tập trung vào quản lý rủi ro và bảo vệ đầu ra của quá trình sản xuất trong quá trình chuyển đổi.

- Rà soát, phân loại để có biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp theo mức độ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng; hình thành chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ gắn với sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, sử dụng năng lượng sạch/năng lượng tái tạo; nhất là trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ kiểm toán năng lượng; đội ngũ tư vấn về sử dụng, tiết kiệm hiệu quả năng lượng,...

- Triển khai các chương trình truyền thông xanh hóa tiêu dùng, triển khai các chương trình tiêu dùng xanh, nhãn sinh thái, thị trường các-bon; mua sắm, đầu tư công xanh.

- Thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng xanh đầu tư vào các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon.

### ***6.2. Phát triển khoa học công nghệ, đào tạo lực lượng lao động xanh và thúc đẩy tiêu dùng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn***

- Lựa chọn, xây dựng và triển khai áp dụng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ thích hợp thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh; tăng cường



hỗ trợ thông tin, chuyên giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên đất, nước, sử dụng năng lượng sạch/năng lượng tái tạo... và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc sử dụng năng lượng sạch/năng lượng tái tạo, giảm thiểu ô nhiễm không khí, nước và nước thải. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ về giảm thiểu rác thải nhựa và tái chế rác thải...

- Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến đảm bảo sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, truyền tải và tiêu dùng, đặc biệt với các cơ sở sản xuất lớn, tiêu thụ nhiều năng lượng. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xanh gồm: Công nghệ năng lượng xanh, vật liệu và xây dựng, cơ khí giao thông vận tải, công nghệ nông, lâm, sinh học, hoá học, xử lý chất thải. Hỗ trợ xây dựng mô hình tái chế ở các làng nghề. Mô hình sản xuất sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, giảm nguy cơ ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước và chất thải,...

- Thực hiện mô hình sản xuất theo chu trình sinh thái khép kín, ít chất thải, ứng dụng công nghệ xử lý nước thải, khí thải cho các làng nghề; quản lý môi trường, nhất là khu vực làng nghề.

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, khả năng nghiên cứu - triển khai, ứng dụng, tiếp thu và làm chủ các tiến bộ kỹ thuật, tạo bước chuyển mạnh trong phát triển và nhân rộng mô hình ứng dụng, thu hút thêm các nguồn vốn xã hội hoá đầu tư cho khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực doanh nghiệp để cải thiện hoạt động môi trường, đào tạo nhân lực kỹ thuật trong các nghề thuộc lĩnh vực kinh tế xanh. Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp về quy định pháp luật môi trường, sử dụng, sản xuất năng lượng tái tạo, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và không khí.

### ***6.3. Tăng cường các giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, kiểm soát và khuyến khích sử dụng tiết kiệm năng lượng***

- Tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh; xử lý các điểm ô nhiễm môi trường theo Đề án cụ thể như: Phong Khê, Văn Môn, Khắc Niệm; đầu tư hệ thống xử lý nước thải ở các huyện, thị xã theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Nâng cao tỷ lệ tái sử dụng hoặc tái chế rác thải sinh hoạt. Cải thiện môi trường làng nghề và khu vực nông thôn. Không để phát sinh và xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Bảo vệ ổn định diện tích và nâng cao chất lượng rừng hiện có, phát triển cây xanh trồng phân tán tại các khu vực đô thị và nông thôn của tỉnh.

- rà soát hoàn thiện các Quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; khai thác hiệu quả và bền vững sinh thái, cảnh quan. Khuyến khích sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới theo Quy hoạch điện VIII.

- Xây dựng kế hoạch hành động về sử dụng và phát triển tài nguyên đất, nước theo hướng tăng trưởng xanh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Phát triển dịch vụ xử lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **6.4. Kiểm soát các hoạt động thanh tra, kiểm tra, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp**

Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra tỉnh trong việc xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm đối với doanh nghiệp. Trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao; kết luận thanh tra, kiểm tra phải xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm.

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra phát hiện thấy nội dung, phạm vi, thời điểm thanh tra có chồng chéo, trùng lặp với các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước hoặc các cơ quan, đơn vị khác, thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp chính được nêu trong kế hoạch, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao Chỉ số PCI, PGI của ngành, đơn vị mình; các **cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối** xây dựng Kế hoạch nâng hạng đối với từng chỉ số thành phần PCI, PGI cụ thể (*chi tiết tới từng chỉ số thành phần*). Kế hoạch của các cơ quan đơn vị phải đảm bảo tính khả thi trong việc cải thiện điểm số, thứ hạng các chỉ tiêu thành phần PCI, PGI giải pháp được lượng hoá và thời gian hoàn thành cụ thể, phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị triển khai và phối hợp thực hiện. Thời gian hoàn thành **trong tháng 7/2024**.

2. Phân công các cơ quan, đơn vị đầu mối, chủ trì cụ thể như sau:

2.1. Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, đề xuất thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện chất lượng quản trị môi trường cấp tỉnh; thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp nâng cao Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành/địa phương tại Bắc Ninh (DDCI); gắn trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các cấp trong nâng cao hiệu quả quản trị môi trường, hiệu quả quản lý kinh tế và cải cách hành chính. Đánh giá hàng năm hiệu quả triển khai thực hiện của các cơ quan làm đầu mối gắn với các chỉ số thành phần của PCI, PGI như *Phụ lục đính kèm* Kế hoạch này.

- Phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các tổ chức quốc tế, tiếp tục phân tích, cung cấp dữ liệu Chỉ số PGI, PCI, DDCI và các nội dung về chất lượng điều hành kinh tế với các nội dung chi tiết cấu thành các chỉ số thành phần trong các Chỉ số; các số liệu điều tra, khảo sát về doanh nghiệp, các nút thắt, hạn chế về quản trị môi trường; khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cho các ngành, đơn vị biết các điểm yếu để xây dựng kế hoạch khắc phục, nâng cao chỉ số thành phần năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến nâng cao chất lượng quản trị xanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh hoá, góp phần xây dựng hình ảnh của tỉnh, thể hiện tính năng động và tiên phong để áp dụng trên địa bàn tỉnh.

- Khảo sát và công bố hàng năm Chỉ số Năng lực cạnh tranh áp dụng cho Sở, ngành/địa phương tại Bắc Ninh (Chỉ số DDCI) đối với cơ quan, đơn vị; Nghiên cứu tích hợp và đưa các tiêu chí đánh giá ở các lĩnh vực có liên quan trong Chỉ số PGI vào Bộ Chỉ số DDCI.

- Phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tổ chức phổ biến tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về sản xuất xanh hoá cho các nhóm đối tượng trong doanh nghiệp gồm: Chủ doanh nghiệp, đội ngũ quản lý, kỹ thuật, công nhân viên... Tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm kỹ thuật và quản trị doanh nghiệp theo hướng xanh hoá.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả cải thiện Chỉ số PGI, PCI và đề xuất bổ sung các biện pháp trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

2.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Gia nhập thị trường” và “Cạnh tranh bình đẳng” của Chỉ số PCI. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện; bổ sung các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư; khẩn trương tháo gỡ các dự án vào vận hành; rà soát năng lực sản xuất mới để đảm bảo đánh giá chính xác nguồn lực và kết quả tăng trưởng hàng năm.

2.3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện các chỉ tiêu thuộc 4 chỉ số thành phần của Chỉ số PGI và chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai” trong Chỉ số PCI. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

2.4. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Tính minh bạch” (PCI). Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

2.5. Sở Nội vụ: Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” (PCI). Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

2.6. Thanh tra tỉnh: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” (PCI). Phối hợp với đơn vị được giao chủ trì nâng điểm số chỉ số thành phần “Đảm bảo tuân thủ” trong Chỉ số PGI. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

2.7. Sở Công Thương: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp” (PCI). Phối hợp với đơn vị được giao chủ trì nâng điểm số chỉ số thành phần “Thúc đẩy thực hành xanh” và “Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ” trong Chỉ số PGI. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

2.8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Đào tạo lao động” (PCI). Phối hợp với đơn vị được giao chủ trì nâng điểm số chỉ số thành phần “Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ” trong Chỉ số PGI. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

#### 2.9. Sở Tư pháp:

- Chủ trì, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” (PCI). Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức phổ biến kiến thức về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước cho cộng đồng doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức pháp luật của doanh nghiệp để chủ động bảo vệ quyền lợi của mình.

2.10. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện điểm số chỉ số thành phần “Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp” (PCI) và 4 chỉ số thành phần của Chỉ số PGI. Phối hợp đôn đốc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao trách nhiệm cải thiện.

#### 2.11. Sở Xây dựng:

- Hỗ trợ, hướng dẫn chủ đầu tư lập các thủ tục triển khai thực hiện dự án theo đúng chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo quy hoạch phân khu được duyệt.

- Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn thuộc lĩnh vực xây dựng theo các quy định hiện hành; điều chỉnh, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến thẩm định các đồ án quy hoạch,

thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng...theo tinh thần hỗ trợ doanh nghiệp.

2.12. Các cơ quan thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn:

- Người đứng đầu các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện tổ chức các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI, PGI, PAPI, ICT Index, DTI, PAR Index, PII.

- Đảm bảo tình hình an ninh, trật tự tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố nhằm góp phần nâng cao chỉ số thành phần “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” (PCI).

3. Các đơn vị được giao nhiệm vụ đầu mối, chủ trì đối với các chỉ tiêu thành phần chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về mục tiêu, điểm số của chỉ tiêu thành phần đó.

- Chủ động xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, đề ra giải pháp cụ thể để nâng cao điểm số và kết quả xếp hạng đối với từng chỉ tiêu thành phần được giao chủ trì; chỉ rõ những đơn vị cụ thể có liên quan cần phối hợp để cải thiện chỉ tiêu được giao trong kế hoạch.

- Tổng hợp kết quả thực hiện và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm tới UBND tỉnh (thông qua cơ quan thường trực là Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh). Yêu cầu báo cáo đảm bảo tính thực chất, nội dung kết quả đạt được phải liên quan đến nội hàm các chỉ tiêu thành phần của ngành, lĩnh vực mình được giao nhiệm vụ, đồng thời phân tích, đánh giá, làm rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị hướng giải quyết đối với các chỉ tiêu được giao phụ trách, không xây dựng báo cáo theo hướng báo cáo thành tích, kết quả công việc thường xuyên của ngành, đơn vị mình quản lý.

- Tổ chức triển khai trong cơ quan đơn vị, hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành, tạo động lực, định vị mục tiêu **“Bản lĩnh đột phá, củng cố niềm tin, nâng tầm cao mới”** gắn với phát triển ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng hoạt động, văn hóa, đạo đức công vụ, tạo chuyển biến để hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch hàng năm; chuẩn bị nền tảng cho Kế hoạch 5 năm 2026-2030.

4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị đầu mối, chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các tổ chức Hội doanh nghiệp tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể doanh nghiệp và quần chúng nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI); mở chuyên mục cải thiện các Chỉ số chất lượng

điều hành, quản trị điều hành địa phương **“Bản lĩnh đột phá, củng cố niềm tin, nâng tầm cao mới”**.

**6.** Đề nghị các Ban của Đảng, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông báo chí tăng cường giám sát, kịp thời phản ánh, thông tin (cả mặt tích cực và hạn chế tồn tại) về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực thi công vụ, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến giải quyết TTHC, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, người dân.

**7.** Các tổ chức Hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp, đồng hành cùng với cơ quan quản lý nhà nước trong việc phát triển, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thực sự minh bạch, lành mạnh, công bằng trên địa bàn tỉnh; chủ động phản ánh cung cấp thông tin về Tổ công tác đặc biệt về những vấn đề tồn tại, bất cập, những hành vi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức các cấp trong thực thi công vụ.

**8.** Văn phòng UBND tỉnh: có trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được giao chủ trì nâng điểm số các chỉ tiêu của chỉ số thành phần “Chi phí thời gian” và “Tính năng động” (PCI). Phối hợp với Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đôn đốc thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và kịp thời khen thưởng, tuyên dương các tổ chức, cá nhân có các đóng góp tích cực, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Giám đốc các Sở, ban, ngành trong tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có phát sinh vướng mắc, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ, báo cáo UBND tỉnh (thông qua cơ quan thường trực là Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh) để kịp thời giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ KH&ĐT;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam;
- TTTU, TT.HĐND;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các hiệp hội doanh nghiệp trong tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các CV;
- Lưu: VT, KTTH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hương Giang**

**PHỤ LỤC I**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỂ CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI GIAI ĐOẠN 2024 - 2026**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

*\*Lưu ý:*

(1) Các số liệu hiện trạng năm 2023 là kết quả đo lường cảm nhận của doanh nghiệp theo khảo sát của VCCI, mang tính chỉ báo về chất lượng điều hành quản trị ở tỉnh;

(2) Mục tiêu được xác định dựa trên Quy định hiện hành của Trung ương, chỉ số và xếp hạng PCI của các tỉnh, thành có điểm số cao hơn ở mỗi chỉ tiêu thành phần của Bắc Ninh và cao hơn điểm số trung vị. Các Sở, ngành, địa phương có thể đăng ký chỉ tiêu cao hơn (nhưng không được thấp hơn) mục tiêu đăng ký;

(3) Đơn vị đầu mối chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và địa phương để hoàn thành mục tiêu đăng ký;

(4) Bảng nhiệm vụ và mục tiêu này được xây dựng theo từng năm, sau khi có kết quả PCI sẽ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ các cơ quan trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu công bố với chỉ số mục tiêu đăng ký của từng cơ quan. Sau đó sẽ xây dựng bảng nhiệm vụ, chỉ tiêu cải thiện cho năm tiếp theo và đăng ký theo các chỉ số mục tiêu năm mới;

(5) Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt). Dấu hoa thị (\*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
I	<b>CSTP 1: GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG</b>	7,41	7,32	trên 8.00	Sở KH&ĐT đầu mối	
1.1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị) *	8,5	7	2	Sở KH&ĐT	Trung tâm HCC tỉnh

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
1.2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên*	7,50%	5,88%	dưới 5%	Sở KH&ĐT	Trung tâm HCC tỉnh
1.3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)*	10	7	2	Sở KH&ĐT	Trung tâm HCC tỉnh
1.4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	73,33%	51,43%	trên 75%	Sở KH&ĐT	Trung tâm HCC tỉnh; Bưu điện tỉnh
1.5	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	94,94%	94,12%	trên 95%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.6	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	73,08%	84,21%	trên 90%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	71,43%	80,00%	trên 85%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.8	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	57,69%	75,61%	trên 85%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.9	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)	75,00%	55,88%	trên 85%	Sở KH&ĐT	Sở LĐ-TB&XH; BHXH tỉnh; Cục Thuế Tỉnh



TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
1.10	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	36,45%	45,59%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở: CT; XD, TN&MT, LĐT&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
1.11	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	33,64%	41,51%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở: CT; XD, TN&MT, LĐT&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
1.12	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)	36,45%	43,33%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐT&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
1.13	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	32,71%	42,22%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐT&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
1.14	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	35,51%	42,65%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
1.15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)*	0,00%	3,03%	0,00%	Sở KH&ĐT	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.16	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)*	18,06%	7,55%	dưới 5%	Sở KH&ĐT	Văn phòng UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
1.17	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)*	12,38%	12,94%	dưới 5%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
1.18	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)*	2,56%	8,82%	0,00%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Ban QL các KCN, GD&ĐT, GTVT, Y tế, KH&CN, CA tỉnh, Cục Thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
1.19	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)*	0,00%	2,17%	0,00%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Ban QL các KCN, GD&ĐT, GTVT, Y tế, KH&CN, CA tỉnh, Cục Thuế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>II</b>	<b>CSTP 2: TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI</b>	6,96	6,78	trên 7.50	<b>Sở TN&amp;MT đầu mối</b>	
2.1	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị) *	27,5	30	10	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.2	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	13,16%	48,05%	trên 50%	Sở TN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.3	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)*	41,87%	40,70%	dưới 30%	Sở TN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.4	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)*	12,22%	14,43%	dưới 10%	Sở TN&MT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.5	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)*	12,22%	14,49%	dưới 10%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.6	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)*	61,90%	60,00%	dưới 50%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.7	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)*	43,24%	44,85%	dưới 30%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
2.8	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)*	37,84%	38,18%	dưới 10%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.9	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)*	1,58	1,65	dưới 1.00	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	15,56%	18,18%	trên 50%	Sở TN&MT	Tài chính, XD, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.11	Sự thay đổi bằng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	72,92%	74,77%	trên 85%	Sở TN&MT	Tài chính, XD, UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.12	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	57,43%	58,91%	trên 60%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.13	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)*	23,26%	21,21%	dưới 10%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
2.14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai *	73,02%	74,00%	dưới 10%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>III</b>	<b>CSTP 3: TÍNH MINH BẠCH</b>	6,68	6,09	trên 7.00	<b>Sở TT&amp;TT đầu mối</b>	
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	2,93	2,94	trên 4.00	Sở KH & ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,09	3,11	trên 4.00	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
3.3	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	53,37%	42,31%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.4	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	33,33%	44,44%	trên 60%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.5	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)*	3	3	dưới 2	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.6	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	36,49%	47,27%	trên 60%	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.7	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	67,57%	69,09%	trên 80%	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ
3.8	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	48,65%	52,27%	trên 70%	Sở TT&TT	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.9	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	59,46%	63,64%	trên 80%	Sở TT&TT	Sở Tư pháp, VP UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
3.10	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)*	19,57%	32,08%	dưới 10%	Sở KH&ĐT	Các sở: Văn phòng UBND tỉnh; Nội vụ, Tài chính, KH&ĐT, Công Thương, XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Y tế, VH&VHDL, KH&CN, Ban QL các KCN, Cục Thuế tỉnh, CA tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (%Đồng ý)*	50,72%	42,86%	dưới 20%	Cục thuế tỉnh	
3.12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý) *	37,23%	34,74%	dưới 20%	Cục thuế tỉnh	
3.13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	50,78%	70,45%	trên 80%	Hiệp hội DN tỉnh	Các tổ chức hội doanh nghiệp trên địa bàn
3.14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	51,82%	31,82%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	50,72%	31,96%	trên 70%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố
3.16	Chất lượng website của tỉnh	63	48,04	trên 70	Sở TT&TT	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
3.17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	42,95%	45,26%	trên 70%	Sở TT&TT	Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>IV</b>	<b>CSTP 4: CHI PHÍ THỜI GIAN</b>	7,74	7,73	trên 8.00	<b>Văn phòng UBND tỉnh đầu mối</b>	
4.1	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)*	20,13%	20,43%	dưới 10%	Sở Tư Pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.2	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	84,83%	87,22%	trên 90%	Trung tâm HCC tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.3	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (%Đồng ý)	87,50%	87,88%	trên 90%	Trung tâm HCC tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.4	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	82,52%	82,52%	trên 90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	83,10%	82,35%	trên 90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (% Đồng ý)	92,41%	93,53%	trên 95%	Trung tâm HCC tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	86,81%	86,81%	trên 95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.8	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	76,71%	77,78%	trên 85%	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.9	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	76,71%	76,97%	trên 85%	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
4.10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	76,71%	76,92%	trên 85%	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)*	6,76%	8,45%	dưới 3%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm *	5,52%	6,98%	dưới 3%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)*	9,09%	6,98%	dưới 3%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
4.14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)*	40	32	giảm dưới 2 giờ	Cục thuế tỉnh	Thanh tra tỉnh
<b>V</b>	<b>CSTP 5: CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC</b>	6,79	7,05	trên 7.00	<b>Thanh tra tỉnh đầu mối</b>	
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)*	29,93%	33,33%	dưới 20%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	42,40%	43,04%	trên 50%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.3	Hiện tượng những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)*	72,34%	69,86%	dưới 40%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	88,03%	86,05%	trên 90%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)*	19,63%	16,08%	dưới 10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)*	21,05%	9,30%	dưới 5%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố



TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
5.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)*	26,67%	18,75%	dưới 10%	Sở KH&ĐT	Các sở: XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, CA tỉnh; Y tế, VH&VH&DL, Tư pháp, GD&ĐT, GTVT, KH&CN
5.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%)*	19,01%	19,72%	dưới 10%	Công an tỉnh	Thanh tra tỉnh, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)*	18,52%	35,29%	dưới 10%	Sở TN&MT	Thanh tra tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.10	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%) *	7,45%	12,67%	dưới 5%	Cục QLTT tỉnh	Thanh tra tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.11	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%) *	19,20%	24,04%	dưới 10%	Cục thuế tỉnh	Thanh tra tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng *	10,11%	10,00%	dưới 5%	Sở Xây dựng	Thanh tra tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.13	Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)*	7,52%	2,54%	dưới 2%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.14	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)*	26,92%	37,50%	dưới 10%	Sở TN&MT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.15	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)*	25,53%	27,64%	dưới 10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
5.16	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)*	62,65%	53,25%	dưới 20%	Tòa án Nhân dân tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
VI	<b>CSTP 6: CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG</b>	5,91	5,76	trên 7.00	<b>Sở KH&amp;ĐT đầu mối</b>	
6.1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	73,01%	76,67%	trên 85%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.2	Tình ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)*	73,62%	61,29%	dưới 50%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.3	Tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)*	30,67%	32,63%	dưới 20%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.4	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	29,17%	35,71%	dưới 15%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.5	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	23,96%	33,33%	dưới 15%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.6	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	17,71%	28,38%	dưới 10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.7	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	18,75%	28,72%	dưới 10%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.8	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	19,79%	32,89%	dưới 10%	Sở TT&TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.9	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý) *	26,04%	31,34%	dưới 15%	Cục thuế tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
6.10	Việc tình ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)*	64,60%	56,52%	dưới 20%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
6.11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)*	51,52%	55,28%	dưới 20%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>VII</b>	<b>CSTP 7: TÍNH NĂNG ĐỘNG</b>	6,42	6,76	trên 7.00	<b>Văn phòng UBND tỉnh đầu mối</b>	
7.1	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	39,33%	57,61%	trên 70%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.2	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì” (% DN)*	24,71%	20,00%	dưới 10%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.3	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)*	50,31%	44,68%	dưới 20%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.4	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	87,58%	82,05%	trên 95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.5	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	83,85%	77,14%	trên 95%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.6	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý)*	62,73%	51,59%	dưới 20%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	89,57%	84,06%	trên 95%	Hiệp hội DN tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
7.8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	43,07%	40,77%	trên 60%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
7.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	75,78%	74,45%	trên 90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>VIII</b>	<b>CSTP 8: CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP</b>	5,47	6,45	trên 7.00	<b>Sở Công Thương đầu mối</b>	
8.1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%)	52,94%	73,33%	trên 85%	NH Nhà nước CN tỉnh Bắc Ninh	Các ngân hàng Thương mại trên địa bàn
8.2	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	36,84%	75,00%	trên 85%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.3	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là để thực hiện (%)	45,00%	75,00%	trên 85%	Sở Tài chính	Các sở: TN&MT, Công Thương, Ban QL các KCN, Cục Thuê tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.4	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	44,44%	77,08%	trên 85%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.5	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	33,33%	73,33%	trên 85%	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.6	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)	50,00%	74,36%	trên 85%	Sở KH&ĐT	UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
8.7	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện (%)	54,55%	78,95%	trên 90%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.8	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	42,33%	44,64%	trên 70%	Sở Công Thương	Các cơ quan: Ban QL các KCN, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.9	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	91,30%	66,67%	trên 95%	Sở Công Thương	Các cơ quan: Ban QL các KCN, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.10	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs (%)	10,53%	11,94%	trên 30%	Sở Công Thương	Các cơ quan: Ban QL các KCN, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.11	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	40,74%	63,64%	trên 80%	Sở Công Thương	Các cơ quan: Ban QL các KCN, Cục Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố
8.12	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	2,21%	1,38%	trên 5%	Sở Công Thương	Các sở: KH&ĐT, XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Y tế, VHTT&DL, KH&CN, Ban QL các KCN, GTVT, Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện, TX, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
8.13	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	99,64%	84,78%	100%	Sở Công Thương	Các sở: KH&ĐT, XD, TN&MT, LĐTB&XH, NN&PTNT, Y tế, VH&VH&DL, KH&CN, Ban QL các KCN, Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>IX</b>	<b>CSTP 9: ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG</b>	6,51	5,76	trên 7.00	<b>Sở LĐ-TB&amp;XH đầu mối</b>	
9.1	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	48,23%	58,09%	trên 70%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.2	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	27,13%	31,34%	trên 50%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.3	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	27,69%	27,69%	trên 50%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.4	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)*	7,20%	5,80%	dưới 3%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.5	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)*	8,52%	6,05%	dưới 3%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.6	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	52,08%	56,19%	trên 70%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.7	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	65,57%	52,95%	trên 80%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.8	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% TCTK)	34,42%	22,90%	trên 50%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
9.9	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	47,86%	47,41%	trên 70%	Sở LĐ-TB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	56,16%	63,28%	trên 80%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố
9.11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDĐT)	6,92	6,42	trên 7.00	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã, thành phố
<b>X</b>	<b>CSTP 10: THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ</b>	7,64	7,52	trên 8.00	<b>Sở Tư pháp đầu mối</b>	
10.1	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	64,80%	47,66%	trên 80%	Sở Tư Pháp	Thanh tra tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh, CA tỉnh, Sở Nội vụ
10.2	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	91,67%	90,83%	trên 95%	Sở KH&CN	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.3	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	36,23%	53,66%	trên 70%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.4	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	68,03%	51,49%	trên 80%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	93,44%	93,08%	trên 95%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.6	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	87,90%	88,31%	trên 95%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.7	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	87,80%	87,65%	trên 95%	Cục thi hành án dân sự	UBND các huyện, thị xã, thành phố



TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
10.8	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	88,80%	89,47%	trên 95%	Sở Tư pháp	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	68,10%	78,26%	trên 90%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	66,87%	73,12%	trên 80%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.11	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	93,65%	92,67%	trên 95%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.12	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	2,40	1,62	trên 10	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	95,45%	88,37%	trên 98%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	82,79%	78,77%	trên 95%	Tòa án Nhân dân tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	72,00%	78,49%	trên 90%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)*	8,64%	6,02%	dưới 4%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố
10.17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	80,00%	76,47%	trên 90%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố



TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Kết quả PCI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị đầu mối/Chủ trì	Đơn vị phối hợp
		Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023			
10.18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)*	0,70%	0,76%	dưới 0.50%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố

**PHỤ LỤC II**  
**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỂ CẢI THIỆN CHỈ SỐ PGI GIAI ĐOẠN 2024 - 2026**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

*\*Lưu ý: Trong số các chỉ tiêu được liệt kê ở đây, một số chỉ tiêu là chỉ tiêu thuận (giá trị càng cao thì càng tích cực và thứ hạng càng tốt), và một số chỉ tiêu còn lại là chỉ tiêu nghịch (giá trị càng cao thì càng tiêu cực và thứ hạng càng không tốt). Dấu hoa thị (\*) được bổ sung ở cuối tên các chỉ tiêu nghịch để phân biệt với các chỉ tiêu thuận.*

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
<b>1</b>	<b>Giảm thiểu ô nhiễm và thiên tai</b>		<b>7,29</b>	<b>6,8</b>	<b>≥ 7.50</b>	
	1,1	Chất lượng môi trường tốt hoặc rất tốt (%)	45,04%	61,29%	trên 60%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,2	Không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm (% đồng ý)	27,30%	30,46%	trên 50%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,3	Doanh nghiệp không bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm (% đồng ý)	38,30%	47,12%	trên 60%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,4	Tình trạng doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại địa phương là phổ biến (% đồng ý) *	47,16%	63,79%	dưới 30%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,5	Chất lượng dịch vụ: Cung cấp nước sạch	2,32	2,26	trên 3.00	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
	1,6	Chất lượng dịch vụ: xử lý chất thải tại các khu/cụm công nghiệp	2,50	2,51	trên 3.00	Sở TN&MT, Ban QLCKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,7	Doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, biến đổi khí hậu (%) *	4,96%	8,75%	dưới 3%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,8	Thiên tai ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp trong 2 năm qua (% đồng ý) *	50,71%	68,35%	dưới 30%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,9	Dễ tiếp cận thông tin về thời tiết, khí tượng thủy văn (% đồng ý)	60,28%	80,80%	trên 85%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,10	Chất lượng cơ sở hạ tầng đủ tốt để phòng ngừa thiên tai (% đồng ý)	59,93%	77,21%	trên 80%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,11	Chính quyền địa phương thường xuyên cảnh báo trước khi thiên tai xảy ra (%)	59,57%	80,37%	trên 85%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,12	Hạ tầng giao thông được khôi phục nhanh chóng sau thiên tai (% đồng ý)	38,89%	58,04%	trên 70%	Sở GTVT chủ trì; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,13	Các hạ tầng cơ bản được cung cấp nhanh chóng sau thiên tai (%)	62,41%	80,73%	trên 85%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	1,14	Chính quyền địa phương kịp thời hỗ trợ khắc phục thiệt hại sau thiên tai (%)	58,87%	77,57%	trên 85%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
	1,15	Tỷ lệ xã phường có hoạt động thu gom rác thải hàng ngày (TCTK, %)	100,00%	81,60%	100%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
<b>2</b>	<b>Đảm bảo tuân thủ</b>		<b>5,99</b>	<b>5,99</b>	<b>≥ 6.50</b>	
	2,1	Chính quyền xử phạt doanh nghiệp gây ô nhiễm (% đồng ý)	60,28%	76,15%	trên 85%	Sở TN&MT chủ trì, CA tỉnh, Ban QLKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,2	Chính quyền nhanh chóng khắc phục sự cố môi trường (% đồng ý)	57,80%	74,62%	trên 85%	Sở TN&MT; Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,3	Chính quyền có giải pháp đề phòng ngừa ô nhiễm (% đồng ý)	58,51%	75,32%	trên 85%	Sở TN&MT; Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,4	Tỷ lệ doanh nghiệp bị xử phạt do gây ô nhiễm môi trường (%) *	2,38%	2,04%	dưới 2%	Sở TN&MT chủ trì, CA tỉnh, Ban QLKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,5	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn phiền hà (%) *	6,38%	5,00%	dưới 4%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,6	Tỷ lệ doanh nghiệp đón tiếp đoàn thanh, kiểm tra môi trường (%) *	36,17%	46,95%	dưới 20%	Sở TN&MT chủ trì, Thanh tra tỉnh, Ban QLKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,7	Trả chi phí không chính thức cho thanh tra môi trường (%) *	4,95%	25,00%	dưới 2%	Sở TN&MT chủ trì, Thanh tra tỉnh, Ban QLKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
	2,8	Thanh, kiểm tra môi trường được phối hợp liên ngành (% đồng ý)	0,98%	1,10%	trên 10%	Sở TN&MT chủ trì, Thanh tra tỉnh, Ban QLCKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,9	Việc thanh, kiểm tra môi trường được thực hiện công bằng (% đồng ý)	26,40%	30,65%	trên 40%	Sở TN&MT chủ trì, Thanh tra tỉnh, Ban QLCKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,10	Thanh, kiểm tra môi trường góp phần giải quyết ô nhiễm và rủi ro thiên tai (% đồng ý)	28,00%	30,93%	trên 40%	Sở TN&MT chủ trì, Thanh tra tỉnh, Ban QLCKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,11	Tỷ lệ KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn (TCTK, %)	100,00%	100,00%	100%	Sở TN&MT chủ trì, Ban QLCKCN; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,12	Khối lượng (tấn) chất thải rắn bình quân 1000 người đã thu gom (ước lượng)	53,80%	57,90%	trên 80%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	2,13	Khối lượng (tấn) chất thải rắn bình quân 1000 người đã qua xử lý (ước lượng)	51,10%	44,50%	trên 90%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
<b>3</b>	<b>Thúc đẩy thực hành xanh</b>		<b>3,64</b>	<b>4,02</b>	<b>≥ 5.00</b>	
	3,1	Ưu tiên mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp 'xanh' (%)	59,22%	72,99%	trên 80%	Các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	3,2	Sẵn sàng trả giá cao hơn khi mua hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp 'xanh' (%)	55,32%	68,09%	trên 75%	Các Sở, ngành, các huyện, TX, TP

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
3,3	Số hoạt động đầu tư xanh doanh nghiệp thực hiện trong 2 năm gần nhất		1,83	2,60	trên 4.00	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,4	Số hoạt động đầu tư xanh đã từng triển khai từ nhiều năm trước		4,18	1,20	trên 5.00	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,5	Tỷ lệ doanh nghiệp có đầu tư xanh trong 2 năm gần nhất (%)		27,30%	37,97%	trên 50%	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,6	Tỷ lệ doanh nghiệp đã từng đầu tư xanh từ nhiều năm trước (%)		32,62%	13,19%	trên 40%	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,7	Tỷ lệ chi phí đầu tư xanh so với tổng chi phí vận hành		0,73	1,05	trên 1.00	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,8	Doanh nghiệp được CQNN hướng dẫn QĐPL về BVMT (%)		75,44%	64,29%	trên 85%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,9	Quy định pháp luật là yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy xanh hóa (%)		10,39%	12,99%	trên 30%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,10	Không đầu tư xanh vì thiếu quy định pháp luật ràng buộc (%) *		6,63%	6,43%	dưới 5%	Sở KHĐT chủ trì, Sở TN&MT, Ban QLKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
3,11	Tỷ trọng ngân sách nhà nước phân bổ cho hoạt động bảo vệ môi trường (BTC, %)		0,15%	0,21%	trên 30%	Sở TC chủ trì; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Kết quả PGI 2023		Mục tiêu tăng điểm số	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp
			Điểm	Điểm trung vị cả nước năm 2023		
<b>4</b>	<b>Chính sách khuyến khích và dịch vụ hỗ trợ</b>		<b>5,61</b>	<b>5,04</b>	<b>≥ 6.00</b>	
	4,1	Hưởng ưu đãi chính sách khi đầu tư xanh (%)	27,54%	34,92%	trên 40%	Sở Công Thương, Sở TN&MT, Ban QLCKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	4,2	Không đầu tư xanh vì thiếu năng lực và nguồn lực (%) *	15,58%	13,54%	dưới 10%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	4,3	Hưởng lợi từ dịch vụ tư vấn quản lý môi trường khi đầu tư xanh (%)	34,25%	39,39%	trên 50%	Sở Công Thương, Sở TN&MT, Ban QLCKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	4,4	Hưởng lợi từ dịch vụ đào tạo khi đầu tư xanh (%)	31,34%	36,92%	trên 50%	Sở LĐTĐ, Sở Công Thương, Sở TN&MT, Ban QLCKCN, các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	4,5	Không đầu tư xanh vì thiếu nhận thức về lĩnh vực này(%) *	13,00%	12,93%	dưới 10%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
	4,6	Tỷ lệ doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành về bảo vệ môi trường (%)	46,45%	28,21%	trên 60%	Sở TN&MT; các Sở, ngành, các huyện, TX, TP
<b>CHỈ SỐ PGI</b>			<b>22,53</b>			